TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2024/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 08 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng

C*ác Hội thẩm nhân dân*: Bà Lò Thị Khánh Quốc

Bà Nguyễn Thị Nhung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Khà Thị Yêu– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên phiên toà số 05/QĐ-TA ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Bùi Văn P**; sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: chị **Bùi Thị B**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nơi ở: Hiện đang xuất khẩu lao động tại Liên bang N.

(Anh Bùi Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị B vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn P trình bày:

Anh Bùi Văn P và chị Bùi Thị B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh P và chị B sống chung cùng bố mẹ chồng tại xóm B, xã H, huyện L tỉnh Hòa Bình, theo anh P khai năm 2019 bố

mẹ anh P xây một căn nhà cấp 4 cho hai vợ chồng anh pháp và chị B ra ở riêng cùng địa chỉ nêu trên, trong quá trình sinh sống anh P và chị B thường xảy ra mâu thuẫn, chị B thường xuyên bỏ nhà đi không nói với anh P, đến năm 2024 chị B đi xuất khẩu lao động tại Liên Bang N, khi đi chị B không nói với anh P, anh P không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc tại Liên Bang N của chị B, anh pháp có hỏi người thân của chị B nhưng không ai biết địa chỉ cụ thể chỉ biết đi làm việc tại Liên Bang N và gia đình chị B có đưa giấy đăng ký kết hôn của chị B và anh P cùng với hai giấy khai sinh của con. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh P và chị B không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn nên anh P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Đức T sinh ngày 03/10/2015 và Bùi Đức T1, sinh ngày 09/8/2019. Sau khi ly hôn anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu vì chị B hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu được, anh P chưa yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có ngôi nhà cấp 4 tại xóm B, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình, anh P chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn chị Bùi Thị B không có mặt tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể tại Liên Bang N, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị B.

Tại Công văn số 256/PA08 ngày 05/6/2024 của Phòng Q - Công an tỉnh H đã cung cấp thông tin: Công dân Bùi Thị B đã được Cục Q1 - Bộ C2 cấp hộ chiếu số E01315010 ngày 18/01/2024. Lần gần nhất, công dân đã sử dụng hộ chiếu trên để xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N ngày 03/03/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú cuối cùng của chị Bùi Thị B tại xóm B, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình, ông Bùi Văn P1 – Trưởng xóm B, ông Bùi Văn M – Trưởng Công an xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình xác nhận: chị Bùi Thị B và anh Bùi Văn P có đăng ký thường trú tại xóm B, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình, chị B đi nước ngoài, hiện không có mặt tại địa phương. Theo thông tin gia đình cung cấp thì chị B hiện đang làm việc tại Liên Bang N nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Về quan hện hôn nhân giữa anh P và chị B thì ông không nắm được. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn đối với ông Bùi Văn C (bố đẻ của chị Bùi Thị B), ông C cho biết: chị B và anh P kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi kết hôn anh P và chị B sinh được hai

cháu là Bùi Đức T, sinh năm 2015 và cháu Bùi Đức T1, sinh năm 2019 hiện đang ở với anh P. Trong quá trình sinh sống do mâu thuẫn vợ chồng nên hiện tại anh P và chị B sống ly thân, chị B đi làm việc tại Liên Bang N, ông C1 (bố chị B) không biết địa chỉ cụ thể của chị B tại Liên Bang N. Về quan hệ hôn nhân; Về tài sản chung, nợ chung của anh P và chị B ông C và gia đình không rõ. Tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn anh Bùi Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Bùi Thị B vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhưng thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa anh P và chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P được ly hôn chị B. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức T sinh ngày 03/10/2015 và cháu Bùi Đức T1, sinh ngày 09/8/2019 cho anh P chăm sóc giáo dục, anh P chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung: anh P chưa yêu cầu giải quyết. Về công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập.

- Về án phí: anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Anh Bùi Văn P có đơn xin ly hôn chị Bùi Thị B và đề nghị được nuôi hai con chung, anh P và chị B cùng có hộ khẩu thường trú tại xóm B, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình, chị B hiện đang sinh sống tại Liên Bang N. Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con để thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, anh P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị B đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở

nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án mặc dù nguyên đơn anh P và bị đơn chị B đều vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân*:* Ngày 08/01/2015, anh P và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng sống xa nhau, không có sự quan tâm, sẻ chia. Trước đó nhiều lần chị B bỏ nhà đi đến năm 2024 chị B đi xuất khẩu lao động tại Liên Bang N, chị B đi không nói với anh P, không quan tâm đến nhau. Như vậy mâu thuẫn giữa anh P và chị B đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Bùi Văn P được ly hôn chị Bùi Thị B.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Đức T sinh ngày 03/10/2015 và Bùi Đức T1, sinh ngày 09/8/2019, anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chưa yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay chị B không có mặt ở Việt Nam. Để việc nuôi dưỡng con được đảm bảo sát sao, cần giao hai con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P chưa yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung, anh P xác nhận không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Bùi Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn P được ly hôn với chị Bùi Thị B.

1.2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức T sinh ngày 03/10/2015 và Bùi Đức T1, sinh ngày 09/8/2019 cho anh Bùi Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Văn P chưa yêu cầu chị Bùi Thị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: anh Bùi Văn P phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004034 ngày 31/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình, anh P đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: anh Bùi Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Chị Bùi Thị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình
- UBND xã H; huyện L
- Các đương sự;
- Lưu TH, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng